

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng
nhân dân.*

*Xét Tờ trình số 32/TTr-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ban Dân
tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026;
Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ban
Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH



Lê Thị Kim Dung

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang
khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04 /2021/NQ-HĐND ngày 14 /12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (gọi chung là Hội đồng nhân dân tỉnh); mối quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với các cơ quan, tổ chức có liên quan; điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Khi các văn bản được dẫn chiếu thực hiện tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

c) Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh.

d) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp huyện), Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện.

e) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 (gọi chung là Luật Tổ chức chính quyền địa phương).

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 17, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 4. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp theo quy định tại Điều 80 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Thành phần khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Chủ tọa, khai mạc và bế mạc các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp theo trình tự quy định tại Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 5. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015 (gọi chung là Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân).

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

a) Xem xét các báo cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

b) Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c) Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Giám sát chuyên đề

Căn cứ chương trình giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo quy định tại Điều 88, Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 63, Điều 64 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri trong tỉnh gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tập họp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của năm trước, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập dự kiến

chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chương trình giám sát.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Quy chế này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Phiên họp và hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Định kỳ 06 tháng một lần, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức các hội nghị khi xét thấy cần thiết.

Điều 8. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

a) Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

b) Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c) Giám sát chuyên đề: Thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

d) Xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát: Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

đ) Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

e) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân: Thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

f) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri: Thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét báo cáo kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc tiếp công dân và tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải có lịch tiếp công dân và quyết định số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải dành 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh có 04 ban, gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, 109, 110, 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham gia vào các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Dự họp hoặc phân công các Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác khi được mời; trình bày hoặc phân công Phó Trưởng ban trình bày các báo cáo thẩm tra của Ban tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng ban; khi Trưởng ban vắng mặt một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban; ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi được Trưởng ban phân công.

5. Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban, thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong các hoạt động của Ban, nếu vắng mặt phải báo cáo và được Trưởng ban đồng ý.

Điều 12. Hoạt động giám sát, thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

a) Thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Việc thẩm tra các nghị quyết quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c) Thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 13. Chế độ làm việc

1. Căn cứ Quy chế này, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng quy chế hoạt động phù hợp quy định của pháp luật và thực tiễn để thực hiện.

2. Căn cứ chương trình tổ chức kỳ họp, chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng chương trình công tác quý, sáu tháng và hằng năm.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác quý tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và họp đột xuất khi cần thiết.

4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban họp mỗi tháng 01 lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác tháng tiếp theo; họp để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân và họp đột xuất khi cần thiết.

5. Định kỳ sáu tháng, một năm và cuối nhiệm kỳ báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi báo cáo tại kỳ họp giữa năm, kỳ họp cuối năm và cuối nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc đánh giá, xếp loại hoạt động hằng năm và cả nhiệm kỳ của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, lãnh đạo và Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương V
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập 6 Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; các Tổ đại biểu có Tổ trưởng và Tổ phó.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp để kiểm điểm và xếp loại hoạt động hằng năm của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; hoàn thành, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 11 của năm.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, chủ trì phiên họp của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ thường xuyên với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử, công tác để tổ chức và bảo đảm các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Phân công đại biểu ứng cử tại địa bàn định kỳ hằng tháng tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của địa phương; phân công đại biểu đại diện Tổ tham gia hoạt động giám sát của Tổ và tham gia đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi giám sát tại địa bàn huyện, thành phố nơi đại biểu ứng cử. Quản lý, thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Tổ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng và được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi Tổ trưởng vắng mặt.

Điều 15. Hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri cho các thành viên của tổ, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và tổ chức cho các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 5

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại các Điều 83, 84, 85, 86, 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự, chấp hành nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải đeo phù hiệu đại biểu khi tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, khi tiếp xúc cử tri, thực hiện giám sát và tham gia các hoạt động ở cơ sở...

6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng tiêu chí đánh giá và thực hiện việc đánh giá hoạt động hằng năm, cả nhiệm kỳ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 83 và các Điều 96, 97, 98, 99, 100, 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hiện hành, ngoài các quyền và trách nhiệm nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương VI

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17. Mối quan hệ công tác với các cơ quan Trung ương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các bộ, ngành của Trung ương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp và tạo điều kiện cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các ban, ngành Trung ương khi về làm việc ở địa phương.

Điều 18. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Tỉnh ủy

1. Hội đồng nhân dân tỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy; báo cáo Tỉnh ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thông qua hoạt động của mình, Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 19. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Các Đại biểu Quốc hội ứng cử trên địa bàn tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh cử đại biểu Hội đồng nhân dân tham gia hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khi được mời.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

Điều 20. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh phân công lãnh đạo dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và cử người tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được mời; mời Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực dự hội nghị sơ kết, tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, của ngành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh; cử lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự kiến, nội dung chương trình kỳ họp; chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết, mời Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời về nội dung giám sát; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

Điều 21. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh mời Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự một số hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp công tác.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cùng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh xây dựng, ban hành quy chế phối hợp hoạt động để đảm bảo thực hiện các mối quan hệ công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được yêu cầu, đề nghị.

Điều 23. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện; Tổ chức các hội nghị

giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện để trao đổi các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện trong tổ chức thực hiện các hoạt động khảo sát, giám sát trên địa bàn cấp huyện.

3. Hội đồng nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi nghị quyết đã ban hành đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện gửi báo cáo công tác tháng, quý, 6 tháng, 01 năm đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương VII

NHỮNG ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 24. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 25. Chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Cơ quan tham mưu, giúp việc

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ các hoạt động của của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu đại biểu và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tham mưu, giúp Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán kinh phí hoạt động hằng năm; tổ chức thực hiện dự toán; quản lý kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi về tình hình thực hiện Quy chế; đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./
